

Phân tích tác động của việc tham gia kinh doanh du lịch nông nghiệp đến thu nhập của hộ nông dân tỉnh Lâm Đồng

Nguyễn Thái Dung*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp hồi quy Logistic và phương pháp so sánh điểm xu hướng (PSM-Propensity Score Matching) để phân tích tác động của việc tham gia kinh doanh du lịch nông nghiệp (DLNN) đến thu nhập của hộ nông dân tỉnh Lâm Đồng. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu khảo sát từ 325 hộ gia đình có tham gia và không tham gia kinh doanh DLNN (trong đó gồm 189 hộ tham gia và 136 hộ không tham gia). Kết quả nghiên cứu của mô hình Logistic cho thấy các nhóm yếu tố đặc điểm chủ hộ (yếu tố trình độ học vấn); Nhóm yếu tố đặc điểm trang trại (lao động, khoảng cách, vay vốn, thu nhập hộ nông dân) và nhóm yếu tố nhận thức, thái độ (nhận biết về DLNN, nhận biết về cơ hội đầu tư, nhận biết về thu hút đầu tư) có tác động đến quyết định tham gia kinh doanh DLNN của hộ nông dân tỉnh Lâm Đồng, nghiên cứu cũng cho thấy tỷ lệ dự báo đúng của toàn bộ mô hình là 85,5%. Ngoài ra, Kết quả của phương pháp PSM cho thấy tác động của quyết định tham gia kinh doanh DLNN đến thu nhập của hộ và có sự khác biệt đáng kể về thu nhập giữa hai nhóm hộ tham gia và không tham gia DLNN. Đây chính là nền tảng để nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy, khuyến khích hộ nông dân tham gia kinh doanh DLNN, giúp cải thiện thu nhập của hộ, góp phần phát triển DLNN tỉnh Lâm Đồng.

Từ khóa: hộ, du lịch nông nghiệp, tham gia vào du lịch nông nghiệp, PSM

GIỚI THIỆU

Du lịch nông nghiệp (DLNN) có thể được xem như là một chiến lược sáng tạo và đa dạng hóa cho các trang trại, bao gồm các hoạt động giải trí cho khách du lịch, với nhiều lợi ích kinh tế và phi kinh tế cho nông dân, du khách và cộng đồng. Nói cách khác, DLNN có thể được xem là hình thức phát triển bền vững, nó khuyến khích bảo tồn khu vực nông thôn được phát triển rộng rãi thông qua phát triển kinh tế xã hội.

Ngành nông nghiệp Lâm Đồng đã đưa chương trình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp đã mang lại những hiệu quả nhất định. Đặc biệt sau khi có Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 11/5/2011 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là một trong 5 khâu đột phá trong lĩnh vực kinh tế của tỉnh nhằm phát huy lợi thế các sản phẩm nông nghiệp có giá trị kinh tế cao. Đến năm 2019 toàn tỉnh có 909.088,05 ha đất nông nghiệp, trong đó có khoảng 60.000 ha đất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao¹. Theo kết quả nghiên cứu của Phạm S (2018) cho thấy giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích năm 2017 đạt bình quân 160 triệu đồng/ha, trong đó có gần 15.000 ha đạt khoảng 250-500 triệu đồng/ha, hơn 12.000 ha đạt khoảng 500 triệu – 1 tỷ đồng/ha; 1.500 ha đạt khoảng 1-2 tỷ đồng/ha². Số liệu của nghiên cứu này cho thấy

thu nhập của hộ nông dân canh tác nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt hiệu quả, tạo tiền đề cho sự gắn kết giữa sản xuất nông nghiệp với sản xuất công nghiệp, dịch vụ để tạo chuỗi giá trị và từng bước công nghiệp hóa sản xuất nông nghiệp của địa phương. Nhận biết được tiềm năng của DLNN, năm 2015 tỉnh Lâm Đồng đã phê duyệt hai dự án DLNN theo Quyết định số 2644/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lâm Đồng đó là mô hình du lịch nông nghiệp tại khu phố Hồ Xuân Hương, thành phố Đà Lạt và mô hình du lịch nông nghiệp công nghệ cao Trại Mát; năm 2017 Lâm Đồng đã ban hành Bộ tiêu chí công nhận mô hình “Tuyến du lịch canh nông” và “Điểm du lịch canh nông” nhằm kết hợp giữa du lịch và nông nghiệp. Từ cuối năm 2017 đến năm 2020, Lâm Đồng đã triển khai kế hoạch quảng bá thương hiệu “Đà Lạt – Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” với sự hỗ trợ của Tổ chức JICA (Nhật Bản). Nói chung, Việc phát triển, khai thác tiềm năng, lợi thế của DLNN là hướng đi mới mà Lâm Đồng đang hướng tới và là xu hướng phát triển tất yếu của ngành du lịch Lâm Đồng hiện nay, vừa góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch, đồng thời cũng là giải pháp hữu ích nhằm nâng cao thu nhập cho hộ nông dân.

Đến nay, các sản phẩm DLNN tại Lâm Đồng nhằm phục vụ du khách có nhiều triển vọng, du khách tham quan các mô hình này sẽ được trải nghiệm từ quy

Trường Đại học Bình Dương, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Thái Dung, Trường Đại học Bình Dương, Việt Nam

Email: thaিদုngnguyen610@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 11-11-2020
- Ngày chấp nhận: 28-4-2021
- Ngày đăng: 16-5-2021

DOI: 10.32508/stdjelm.v5i2.720



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Dung N T. Phân tích tác động của việc tham gia kinh doanh du lịch nông nghiệp đến thu nhập của hộ nông dân tỉnh Lâm Đồng. *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.*; 5(2):1524-1534.

trình sản xuất, khâu chăm sóc đến thu hoạch, theo báo cáo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Đồng, tổng lượng khách du lịch đến tham quan nghỉ dưỡng tại Lâm Đồng từ 2016-2019 đạt 24.990.477 lượt (khách quốc tế đạt 1.712.977 lượt, khách nội địa đạt 23.277.500 lượt), mô hình DLNN tại Lâm Đồng có gần 6 triệu lượt khách đến tham quan, doanh thu đạt 250 tỷ đồng (từ năm 2018 đến nay). Điều này đã khẳng định du lịch nói chung, DLNN nói riêng là ngành kinh tế động lực của tỉnh Lâm Đồng, đã đạt được hiệu quả tích cực, tuy nhiên vẫn tồn tại nhiều hạn chế như: Sự liên kết giữa hai ngành nông nghiệp và du lịch còn thiếu chặt chẽ, chưa có sự tương đồng về chất lượng giữa sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ du lịch, người nông dân vẫn còn thiếu nhiều về tài chính, năng lực vận hành, cung cấp dịch vụ còn chưa chuyên nghiệp.... Hầu hết các hoạt động DLNN vẫn mang tính tự phát, nhỏ lẻ, manh mún, trùng lặp, hộ nông dân còn chưa mạnh dạn tham gia kinh doanh DLNN, thu nhập của hộ chưa được cải thiện. Chính vì vậy, phân tích tác động của việc tham gia kinh doanh du lịch nông nghiệp đến thu nhập của hộ nông dân tỉnh Lâm Đồng là cần thiết

Đối tượng của nghiên cứu là phân tích tác động của việc tham gia kinh doanh du lịch nông nghiệp đến thu nhập của hộ nông dân tỉnh Lâm Đồng với hai mục tiêu chính: *thứ nhất*, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia kinh doanh DLNN của hộ nông dân tỉnh Lâm Đồng; *thứ hai*, tác động của việc tham gia kinh doanh DLNN đến thu nhập của hộ nông dân tỉnh Lâm Đồng.

TỔNG QUAN LÝ THUYẾT

Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng mô tả cách mọi người ra quyết định và nó được ứng dụng rộng rãi. Nó giải thích hành vi của một người trong việc lựa chọn mua sản phẩm này hay sản phẩm kia, làm việc hay du lịch, tham gia hay không tham gia vào một hoạt động nào đó. Trong mỗi tương quan khi đưa ra quyết định, các nhà kinh tế xây dựng hàm tổng lợi ích (U) dựa trên giả định người tiêu dùng xếp hạng được mức độ hữu ích của các hàng hóa với giá của chúng. Với giả định con người bị giới hạn bởi các nguồn lực sở hữu (ngân sách) sẽ phản ứng lựa chọn mức tiêu dùng để đạt được mức thỏa mãn lớn nhất ở điểm tỷ số lợi ích cận biên với giá của các hàng hóa phải bằng nhau ($MU_x/P_x = MU_y/P_y$). Lợi ích được nhiều nhà nghiên cứu xác định là động lực, thước đo cho sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung, ngành du lịch nói riêng. Một quyết định của hộ nông dân để tham gia vào DLNN có thể được xem tương tự như một sự lựa chọn giữa một hoạt động mới và một hoạt động truyền thống. Lựa chọn mô hình

trong lý thuyết người tiêu dùng cung cấp hướng dẫn cho những mô hình quyết định như vậy (Fernandez-Cornejo (1996))³.

Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia kinh doanh du lịch nông nghiệp

Nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã được thực hiện trong những năm gần đây tìm hiểu về du lịch nông nghiệp nói chung, sự tham gia của hộ nông dân vào DLNN nói riêng. Theo Bagi và Reeder (2012)⁴ đã dựa vào lý thuyết hành vi người tiêu dùng, phân tích lợi ích mà hộ nông dân có được khi tham gia mô hình này, nghiên cứu xác định bốn nhóm yếu tố có ảnh hưởng đến sự tham gia của nông dân vào hoạt động DLNN: (1) đặc điểm của đất nông nghiệp và hoạt động nông nghiệp, (2) thu nhập hộ nông dân hoặc giá trị thu nhập ròng, (3) đặc điểm của người điều hành trang trại và (4) vị trí của trang trại. Anthony và cộng sự (2017)⁵ cũng đã áp dụng mô hình tối đa hóa lợi ích để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia du lịch nông nghiệp của nông dân ở Bắc Carolina. Yếu tố giáo dục đại học có tác động lớn nhất đến việc tham gia vào DLNN, tiếp theo là yếu tố chủng tộc, khả năng tiếp cận trang trại, quy mô diện tích. Các yếu tố khác như khoảng cách từ trang trại đến thành phố và thu nhập hộ gia đình trước thuế cũng ảnh hưởng đáng kể đến việc tham gia DLNN. Khanal và Mishra (2014)⁶ xem DLNN là lựa chọn nhằm đa dạng hóa thu nhập, nghiên cứu này xem xét các hộ nông dân nhỏ, những hộ có thu nhập dưới 250.000 đô la từ nông nghiệp. Sự lựa chọn đa dạng hóa của nông dân dựa trên tối đa lợi ích giữa việc tham gia và không tham gia DLNN. Kết quả cho thấy giáo dục, tuổi của người điều hành, điều kiện tài chính và vị trí của trang trại, hỗ trợ của chính phủ là những yếu tố quan trọng thúc đẩy tham gia DLNN. Ngoài ra, Flanigan và cộng sự (2015)⁷ còn xem xét động cơ của các nhà cung cấp về quyết định ban đầu của họ về cung cấp dịch vụ DLNN. Trong đó, yếu tố vị trí địa lý là một yếu tố quan trọng kết nối cung cấp DLNN với nhu cầu, sự gắn gũi với các khu vực dân cư (các thị trấn, thành phố) là một sự lựa chọn quan trọng đối với các nhà cung cấp về để đáp ứng nhu cầu DLNN. Nghiên cứu tại tỉnh Lâm Đồng, có nhóm tác giả Phước Minh Hiệp và cộng sự (2018)⁸ đã phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia vào hoạt động du lịch nông nghiệp của hộ nông dân ở huyện Lạc Dương, nghiên cứu cho thấy yếu tố lợi ích, trình độ văn hóa, tập huấn, diện tích đất đai có ảnh hưởng đến quyết định tham gia DLNN của hộ nông dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Tác động của việc tham gia kinh doanh du lịch nông nghiệp lên đời sống của hộ nông dân

Joo, H., et al (2013)⁶ đã sử dụng phương pháp so sánh điểm xu hướng để đánh giá tác động của việc tham gia DLNN đến thu nhập của hộ nông dân. Kết quả nghiên cứu cho thấy các trang trại nhỏ tham gia vào lĩnh vực DLNN có thu nhập cao hơn những trang trại không tham gia là 0,4% (dao động từ 16.524 đô la đến 19.043 đô la). Nói cách khác, DLNN là hình thức để đa dạng hóa nông nghiệp, nó cải thiện hiệu quả kinh tế, tăng lợi ích kinh tế cho hộ nông dân, đặc biệt đối với những trang trại nhỏ và góp phần phát triển DLNN bền vững. Schilling, B. J., et al (2014)⁹ cũng cho kết quả tương tự, nghiên cứu cho thấy tác động của DLNN đến lợi nhuận, thu nhập của các trang trại có quy mô nhỏ tại New Jersey, những trang trại này khi tham gia DLNN sẽ có thu nhập cao hơn 250.000 đô la/năm so với trang trại không tham gia. Tuy nhiên, việc tham gia này lại không có tác động rõ rệt đối với những trang trại có quy mô lớn.

DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP ƯỚC LƯỢNG

Dữ liệu

Điều tra được tiến hành vào tháng 7, 8, 9 năm 2019. Đối tượng lấy mẫu: Đại diện hộ gia đình kinh doanh DLNN (người có quyền quyết định, ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh DLNN). Địa bàn nghiên cứu sẽ được chọn ở 18 xã thuộc 06 huyện của tỉnh Lâm Đồng, đây là những vùng có kết hợp du lịch và nông nghiệp của tỉnh Lâm Đồng. Thông qua thực trạng kinh doanh DLNN và khả năng thực hiện điều tra dữ liệu, tác giả phân bố số mẫu điều tra tại các vùng, được thể hiện trong Bảng 1.

Theo Tabachnick và Fidell (1991)¹⁰, khi sử dụng các phương pháp hồi quy, kích thước mẫu cần thiết được tính theo công thức: $n \geq 50 + 8p$. Trong đó: n là kích thước mẫu tối thiểu cần thiết, p là số lượng biến độc lập trong mô hình. Do đó, 11 biến độc lập trong mô hình nghiên cứu được đề xuất thì cỡ mẫu cần điều tra là $n \geq 50 + 8 \cdot 11 = 138$ quan sát. Vậy với cỡ mẫu 325 quan sát cho mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia DLNN của hộ nông dân tỉnh Lâm Đồng, dữ liệu đã đảm bảo thực hiện kiểm định mô hình nghiên cứu.

Phương pháp ước lượng

Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia kinh doanh DLNN

Bài viết sử dụng công cụ thống kê mô tả, mô hình hồi quy Binary Logistic để xác định các yếu tố ảnh

hưởng đến quyết định tham gia DLNN tỉnh Lâm Đồng. Trong khuôn khổ lý thuyết, người nông dân chọn có tham gia kinh doanh DLNN dựa trên lợi ích tối đa mà họ hy vọng sẽ kiếm được thu nhập từ các hoạt động DLNN. Theo Bagi và Reeder (2012)⁴ thể hiện phương trình tối đa hóa lợi ích như sau:

$$\text{Max } \{E(U(\pi_i)) = f(X_i) + \varepsilon_i\}, i = 1, \dots, n \quad (1)$$

Trong đó:

$U(\pi_i)$ là nông dân dự kiến thứ i tham gia hoặc không tham gia.

$\text{Max } \{E(U(\pi_i))\}$ thể hiện tối đa hóa lợi ích của nông dân thứ i dự kiến tham gia hoặc không tham gia.

$f(\cdot)$ là một hàm của $X_i = x_{i1}, \dots, x_{ik}$, $a(1 \times k)$ là một vector có thể quan sát được hoặc các yếu tố cụ thể đối với người nông dân thứ i ,

ε_i là một biến ngẫu nhiên đại diện cho sai sót trong nhận thức và đo lường cho lợi ích dự kiến của nông dân và có đặc điểm là không quan sát được

Ta có, $Y_j = 1$ nếu nông dân thứ i tham gia và $Y_j = 0$ nếu nông dân thứ i không tham gia. Như vậy, xác suất của một nông dân tham gia và không tham gia DLNN bị giới hạn bởi 0 và 1, nếu ε_j là một biến ngẫu nhiên, được phân phối độc lập và giống hệt nhau, thì cấu trúc logit là mô hình lựa chọn thích hợp¹¹. Trong mô hình logit, xác suất người nông dân thứ i áp dụng một hoạt động đổi mới là được thể hiện như sau:

$$P_i = P(Y_i = 1|X_i) = 1/[1 + \exp - f(X_i)] \quad (2)$$

Trong đó, P_i là xác suất được chấp nhận với biến giải thích (X_i). Chức năng của $f(X_i)$ không biết trước, theo Mishra và Goodwin (2003)¹² đã giả định nó là một dạng tuyến tính ($f(X_i) = X_i\beta$) trong đó β là một vectơ của hệ số ($1 \times k$). Để ước tính các tác động trực tiếp trên xác suất, các hiệu ứng cận biên phải được ước tính (Maddala (1983))¹³ Các hệ số có thể được ước tính và diễn giải dễ dàng bằng cách lấy logarit của tỷ lệ khả năng xảy ra đối với xác suất tham gia và không tham gia:

$$\text{Ln}(P_i / (1 - P_i)) = \beta \quad (3)$$

Trong đó β là phần không ngẫu nhiên của mô hình và được đưa ra bởi:

$$\text{Ln}(P_i / (1 - P_i)) = \beta_0 + \beta_1 x_{1i} + \beta_2 x_{2i} + \dots + \beta_k x_{ki} \quad (4)$$

Hình thức này của mô hình thực nghiệm đã được sử dụng ước tính ảnh hưởng của các yếu tố khác nhau trên xác suất tham gia kinh doanh DLNN.

Đánh giá tác động của việc tham gia kinh doanh DLNN lên thu nhập của hộ nông dân

Bài viết kết hợp mô hình so sánh điểm xu hướng để phân tích tác động của việc tham gia kinh doanh DLNN lên thu nhập của hộ. Từ kết quả mô hình hồi quy Logistic để phân tích khả năng tham gia kinh

Bảng 1: Mẫu nghiên cứu theo địa bàn khảo sát

Địa bàn			Tần suất (hộ)	Tỷ lệ (%)
Tỉnh	Huyện/Thành phố	Xã/Thị trấn		
Lâm Đồng	Đà Lạt	Xuân Thọ	16	4,92
		Trạm Hành	15	4,62
		Cầu Đất	18	5,54
	Đức Trọng	Phú Hội	15	4,62
		Hiệp An	12	3,69
		Hiệp Thạnh	12	3,69
		Liên Nghĩa	24	7,38
		Lâm Hà	Đạ Đờn	28
	Bảo Lộc	Phúc Thọ	14	4,31
		Nam Ban	21	6,46
		Lộc Nga	10	3,08
		B' Lao	20	6,15
		Bảo Lộc	14	4,31
	Đơn Dương	Tu Tra	24	7,38
		Lạc Lâm	19	5,85
		Lạc Xuân	12	3,69
	Lạc Dương	Próh	24	7,38
		Đạ Sar	27	8,31

(Nguồn: Số liệu điều tra thực tế của tác giả, 2019)

doanh DLNN của hộ nông dân tỉnh Lâm Đồng^{11,13}. Tiếp theo tính điểm xu hướng, xác định vùng hỗ trợ chung và kiểm định cân bằng. Cuối cùng so sánh, ghép cặp những hộ có đặc điểm tương đồng với nhau, hay ghép cặp giữa hộ tham gia kinh doanh DLNN (nhóm can thiệp) và hộ không tham gia kinh doanh DLNN (nhóm so sánh, nhóm đối chứng).¹⁴ Phương pháp so sánh điểm xu hướng (PSM) là phương pháp xây dựng nhóm thống kê dựa trên mô hình xác suất tham gia can thiệp bằng các số liệu thống kê được quan sát, được phát triển bởi Rosenbaum và Rubin (1983)¹⁵. Tính hợp lý của PSM phụ thuộc vào hai điều kiện: *Thứ nhất* là tính độc lập có điều kiện (tức là các yếu tố không được quan sát không ảnh hưởng đến tình trạng tham gia). *Thứ hai* là hỗ trợ chung lớn hay sự trùng khớp trong điểm xu hướng giữa các mẫu đối tượng tham gia và không tham gia¹⁴. Có nhiều cách thức được sử dụng để so sánh giữa đối tượng tham gia và không tham gia dựa trên điểm xu hướng như: Phương pháp so sánh cận gần nhất, so sánh trong phạm vi và bán kính, so sánh phân tầng và giãn cách, so sánh hạt nhân và so

sánh tuyến tính tại chỗ. Trong nghiên cứu đã sử dụng phương pháp so sánh hạt nhân (Kernel Matching) để phân tích việc tham gia của hộ nông dân vào kinh doanh DLNN có khác biệt về thu nhập không?

Trong ước lượng điểm xu hướng, nghiên cứu xác định tác động trung bình lên nhóm xử lý (the average effect of treatment on the treated – ATT) hay tác động trung bình của việc tham gia kinh doanh DLNN lên thu nhập hộ nông dân. Với ATT được thể hiện qua công thức sau:

$$ATT = E((Y_1 - Y_0|D = 1)) = E((Y_1|D = 1) - E((Y_0|D = 1)))$$

Trong đó D là biến giả biểu hiện cho việc tham gia kinh doanh DLNN, D = 1 là hộ nông dân tham gia kinh doanh DLNN (nhóm xử lý) và D = 0 là hộ nông dân không tham gia kinh doanh DLNN (nhóm kiểm soát). Y thể hiện cho kết quả, các kết quả này phụ thuộc vào D. Y₁ và Y₀ là những kết quả trong trường hợp có hoặc không có tham gia kinh doanh DLNN.

Mô hình nghiên cứu đề xuất

Từ cơ sở lý thuyết với mô hình tối đa hóa lợi ích (lý thuyết độ thỏa dụng người tiêu dùng), hộ nông dân sẽ quyết định tham gia hay không kinh doanh DLNN. Một số nhà nghiên cứu cũng đã dựa vào mô hình lý thuyết này để nghiên cứu cho lợi ích của hộ nông dân khi tham gia kinh doanh DLNN như Loureiro và cộng sự (2005)¹⁶. Theo Bagi và Reeder (2012)⁴, quyết định của nông dân tham gia vào du lịch nông nghiệp có thể được so sánh với lựa chọn giữa công nghệ mới và truyền thống (hoạt động), các mô hình lựa chọn trong lý thuyết người tiêu dùng cung cấp hướng dẫn cho các mô hình quyết định (Fernandez-Comejo (1996)³. Như trong các nghiên cứu trước đây, tối đa lợi ích mà một nông dân mong đợi có được từ thu nhập ròng từ hoạt động nông nghiệp là cơ sở trong quyết định của mình để tham gia vào doanh nghiệp này. Kế thừa mô hình của Bagi và Reeder (2012), mô hình nghiên cứu thực nghiệm ở trên và ý kiến chuyên gia nên mô hình được thiết lập như sau⁴:

$$TGH_i^* = \beta_0 + \beta_1 TU + \beta_2 GT + \beta_3 HV + \beta_4 DT + \beta_5 LD + \beta_6 KC + \beta_7 VV + \beta_8 TN + \beta_9 BVDL + \beta_{10} CHDT + \beta_{11} THDT + \varepsilon_i$$

Các biến được giải thích trong Bảng 2.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Thống kê mô tả các biến

Theo kết quả Bảng 3 cho thấy có một số điểm đáng chú ý sau:

Nhóm đặc điểm chủ hộ: chủ hộ có độ tuổi trung bình là 39 tuổi, trình độ học vấn trung bình của chủ hộ là lớp 5.

Đối với nhóm đặc điểm trang trại: quy mô diện tích trung bình của hộ 0,652ha, hộ có quy mô diện tích lớn nhất là 1 ha, nhỏ nhất là 0,37ha. Tỷ lệ lao động trung bình của hộ kinh doanh DLNN là 0,55% và khoảng cách đến trục đường chính của hộ DLNN là 5,95 km. Nhóm nhận thức thái độ như biết về DLNN, cơ hội đầu tư từ DLNN, lợi ích từ việc thu hút đầu tư có giá trị trung bình lần lượt là 0,342; 0,320 và 0,323.

Các yếu tố khả năng tiếp cận vốn vay, thu nhập có giá trị trung bình tương ứng 0,36 và 2,068. Ngoài ra yếu tố thu nhập có giá trị nhỏ nhất là nằm trong khoảng 1 (0-50 triệu đồng/năm), giá trị lớn nhất nằm trong khoảng 5 (251 đến 500 triệu đồng/năm)

Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia kinh doanh DLNN của hộ nông dân tỉnh Lâm Đồng

Trong Bảng 4, theo kiểm định Wald, các biến độc lập tương quan có ý nghĩa thống kê với biến phụ thuộc TGH (Sig. ≤ 0,05) ngoại trừ biến TU, GT, DT (Sig. >

0,1). R^2 Negekerke = 0,742 cho biết 74,2% thay đổi của biến phụ thuộc được giải thích bởi các biến độc lập. Kiểm định Omnibus của mô hình, có Sig. ≤ 0,05. Mô hình tổng quát cho thấy có tương quan giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập. Kết quả trên cũng cho thấy, tỷ lệ dự báo đúng của toàn bộ mô hình là 85,5%.

Phân tích kết quả hồi quy

- Yếu tố trình độ học vấn (HV) có Sig. = 0,040 < 0,05. Do đó, biến HV tỷ lệ thuận và tương quan có ý nghĩa với biến phụ thuộc TGH với độ tin cậy 95%. HV thể hiện cho mặt kiến thức, kinh nghiệm của chủ hộ, người có quyền đưa ra các quyết định kinh doanh nông nghiệp, DLNN. HV cũng cho thấy năng lực của chủ hộ. Khi trình độ học vấn của chủ hộ tăng một đơn vị thì khả năng hộ tham gia DLNN tăng lên 0,254 đơn vị.
- Yếu tố lao động (LD) có Sig. = 0,001 < 0,05. Do đó, biến HV tỷ lệ thuận và tương quan có ý nghĩa với biến phụ thuộc TGH với độ tin cậy 99%. LD thể hiện cho mặt tạo công ăn việc làm cho các thành viên trong gia đình. LD cũng cho thấy khi tỷ lệ lao động gia đình tăng một đơn vị thì khả năng hộ tham gia DLNN tăng lên 3,662 đơn vị.
- Yếu tố khoảng cách (KC) có Sig. = 0,000 < 0,05. Do đó, biến KC tỷ lệ nghịch và tương quan có ý nghĩa với biến phụ thuộc TGH với độ tin cậy 99%. KC thể hiện cho mặt dễ tiếp cận điểm DLNN, khi nó gần trục đường chính thì lợi thế cạnh tranh sẽ nhiều hơn, lợi ích của nông dân nhiều hơn và có động lực thúc đẩy tham gia DLNN.
- Yếu tố vay vốn (VV) có Sig. = 0,000 < 0,05. Do đó, biến LD tỷ lệ thuận và tương quan có ý nghĩa với biến phụ thuộc TGH với độ tin cậy 99%. VV thể hiện cho mặt lợi thế để chuyển đổi cơ cấu giữa nông nghiệp và du lịch, khả năng đa dạng hóa trang trại, mở rộng quy mô. Khi hộ nông dân dễ tiếp cận vốn vay thì khả năng hộ tham gia DLNN tăng lên 3,428 đơn vị.
- Yếu tố thu nhập hộ nông dân (TN) có Sig. = 0,000 < 0,05. Do đó, biến TN tỷ lệ thuận và tương quan có ý nghĩa với biến phụ thuộc TGH với độ tin cậy 99%. TN thể hiện cho mặt lợi ích kinh tế của hộ nông dân. Khi hộ nông dân có thu nhập tăng lên một đơn vị thì khả năng hộ tham gia DLNN tăng lên 1,588 đơn vị. Thu nhập thể hiện những lợi ích về mặt kinh tế mà hộ gia đình nhận được khi tham gia vào hoạt động DLNN.

Bảng 2: Các biến độc lập trong mô hình các yếu tố ảnh hưởng quyết định tham gia kinh doanh DLNN của hộ nông dân

Tên biến	Đơn vị tính	Giải thích	Nguồn tham khảo	Kỳ vọng
TGH	0/1	Nhận giá trị 1 – quyết định tham gia kinh doanh DLNN và giá trị 0 – không tham gia	Bagi và Reeder (2012) ⁴ ; Joo và cộng sự (2013) ⁶ ; Đỗ Thiện Toàn và cộng sự (2016) ¹⁷	
Đặc điểm chủ hộ				
Tuổi (TU)	Năm	Năm tuổi, nhận giá trị tương ứng số tuổi của người trực tiếp ra quyết định chính về hoạt động nông nghiệp, DLNN tính đến thời điểm hiện tại.	Bagi và Reeder (2012) ⁴ ; Joo và cộng sự (2013) ⁶ ; Loureiro và cộng sự (2005) ¹⁶ .	+
Giới tính (GT)	0/1	Nhận giá trị 1 – Nam và giá trị 0 – Nữ	Joo và cộng sự (2013) ⁶ ; Loureiro và cộng sự (2005) ¹⁶ .	+/-
Trình độ học vấn (HV)	Năm	Trình độ học vấn, nhận giá trị tương ứng với số năm đi học của người trực tiếp ra quyết định chính về hoạt động nông nghiệp, DLNN tính đến thời điểm hiện tại.	Bagi và Reeder (2012) ⁴ ; Joo và cộng sự (2013) ⁶ ; Loureiro và cộng sự (2005) ¹⁶ ; Lago (2017) ¹⁸	+
Đặc điểm trang trại				
Quy mô diện tích (DT)	m2	Tổng số diện tích của hộ kinh doanh DLNN tính đến thời điểm hiện tại	Bagi và Reeder (2012) ⁴ ; Joo và cộng sự (2013) ⁶ ; McNally (2001) ¹⁹	+
Lao động (LD)	Tỷ lệ	Tỷ lệ lao động, nhận giá trị là tỷ lệ lao động trực tiếp tham gia vào hoạt động nông nghiệp, DLNN/tổng số nhân khẩu của hộ.	Flanigan và cộng sự (2015) ⁷ .	+
Khoảng cách (KC)	Km	Khoảng cách từ nơi kinh doanh DLNN của hộ đến đường giao thông chính, nhận giá trị là số km tương ứng.	Bagi và Reeder (2012) ⁴ ; Loureiro và cộng sự (2005) ¹⁶ .	-
Vay vốn (VV)	0/1	Nhận giá trị 1 – Dễ tiếp cận vốn vay và giá trị 0 – Khó tiếp cận vốn vay.	Flanigan và cộng sự (2015) ⁷ .	+
Thu nhập hộ nông dân (TN)	Triệu đồng	Thu nhập của hộ nông dân	Joo và cộng sự (2013) ⁶ ; Flanigan và cộng sự (2015) ⁷ ; Đỗ Thiện Toàn và cộng sự (2016) ¹⁷	+
Nhận thức thái độ				
Biết về DLNN (BVDL)	0/1	Nhận giá trị 1 – có nhận thức về DLNN và giá trị 0 – không nhận thức về DLNN	Kunasekaran và cộng sự (2012) ²⁰	+
Cơ hội đầu tư (CHDT)				
Thu hút đầu tư (THDT)				

Bảng 3: Một số đặc điểm của hộ điều tra

Chỉ tiêu	Đvt	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Đặc điểm chủ hộ					
Tuổi (TU);	Năm	21	68	39,123	10,684
Giới tính (GT);	0/1	0	1	0,818	0,386
Trình độ học vấn (HV);	Năm	0	16	4,991	2,540
Đặc điểm trang trại					
Quy mô diện tích (DT);	Ha	0,37	1	0,652	0,166
Lao động (LD);	Tỷ lệ	0,01	1	0,551	0,241
Khoảng cách (KC);	Km	0	15	5,954	3,910
Vay vốn (VV)	0/1	0	1	0,36	0,481
Thu nhập hộ nông dân (TN).		1	5	2,068	1,106
Nhận thức, thái độ					
Biết về DLNN (BVDL)	0/1	0	1	0,342	0,475
Cơ hội đầu tư (CHDT)		0	1	0,320	0,467
Thu hút đầu tư (THDT)		0	1	0,323	0,468

(Nguồn: Số liệu khảo sát thực tế của tác giả, 2019)

- Nhóm yếu tố nhận thức, thái độ bao gồm biết về DLNN (BVDL), cơ hội đầu tư (CHDT), thu hút đầu tư (THDT) có Sig. lần lượt là 0,002; 0,001; 0,007 < 0,05. Do đó BVDL, CHDT, THDT tỷ lệ thuận và tương quan có ý nghĩa với biến phụ thuộc TGH với độ tin cậy 95%. BVDL, CHDT, THDT thể hiện thái độ, niềm tin, sự hiểu biết của hộ nông dân về DLNN. Khi hộ có niềm tin, hiểu biết về DLNN thì khả năng tham gia DLNN của hộ tăng lên tương ứng là 1,869; 1,894; 1,372 đơn vị.
- Các yếu tố còn lại như tuổi (TU), giới tính (GT), quy mô diện tích (DT) có Sig. > 0,05 tương ứng lần lượt là 0,700; 0,971; 0,411. Do đó, biến TU, GT, DT không tương quan và không có ý nghĩa với biến phụ thuộc TGH.
- Lao động (LD) có xác suất ban đầu là 10%. Khi các yếu tố khác không đổi, nếu tỷ lệ lao động gia đình làm nông nghiệp tăng thêm 01 đơn vị thì xác suất hộ tham gia DLNN không tăng.
- Khoảng cách (KC) có xác suất ban đầu là 10%. Khi các yếu tố khác không đổi, nếu khoảng cách từ nơi cách tác nông nghiệp của hộ đến trục đường chính giảm thêm 01 đơn vị thì xác suất hộ tham gia DLNN tăng lên 13%.
- Vay vốn (VV) có xác suất ban đầu là 10%. Khi các yếu tố khác không đổi, nếu hộ dễ dàng tiếp cận vốn vay thì xác suất hộ tham gia DLNN tăng lên 77%.
- Thu nhập hộ nông dân (TN) có xác suất ban đầu là 10%. Khi các yếu tố khác không đổi, nếu thu nhập của hộ tăng lên 1 đơn vị thì xác suất hộ tham gia DLNN tăng lên 35%.
- Biết về DLNN (BVDL) có xác suất ban đầu là 10%. Khi các yếu tố khác không đổi, nếu hộ biết DLNN là gì thì xác suất hộ tham gia DLNN tăng lên 42%.
- Biết về DLNN (BVDL) có xác suất ban đầu là 10%. Khi các yếu tố khác không đổi, nếu hộ biết DLNN là gì thì xác suất hộ tham gia DLNN tăng lên 42%.
- Cơ hội đầu tư (CHDT) có xác suất ban đầu là 10%. Khi các yếu tố khác không đổi, nếu hộ tin rằng DLNN là cơ hội đầu tư thì xác suất hộ tham gia DLNN tăng lên 42%.

Xác suất tham gia DLNN của hộ nông dân tỉnh Lâm Đồng

Giả sử xác suất tham gia của hộ nông dân vào DLNN thay đổi, nghiên cứu giả định xác suất này thay đổi từ 10% để thấy được xác suất tham gia của hộ sẽ thay đổi như thế nào? Kết quả Bảng 5 cho thấy:

- Trình độ học vấn (HV) có xác suất ban đầu là 10%. Khi các yếu tố khác không đổi, nếu số năm đi học tăng thêm 01 đơn vị thì xác suất hộ tham gia DLNN tăng lên 13%.

Bảng 4: Kết quả mô hình hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia kinh doanh DLNN của hộ nông dân tỉnh Lâm Đồng

Các biến độc lập	Hệ số β	Sig.	Exp(β)
Hằng số	-5,331	0,000	0,005
Đặc điểm chủ hộ			
Tuổi (TU)	-0,007	0,700	0,993
Giới tính (GT)	-0,018	0,971	0,982
Trình độ học vấn (HV)	0,254	0,040	1,289
Đặc điểm trang trại			
Quy mô diện tích (DT)	0,951	0,411	2,588
Lao động (LD)	3,662	0,001	0,026
Khoảng cách (KC)	-0,299	0,000	1,348
Vay vốn (VV)	3,428	0,000	30,808
Thu nhập hộ nông dân (TN)	1,588	0,000	4,894
Nhận thức, thái độ			
Biết về DLNN (BVDL)	1,869	0,002	6,480
Cơ hội đầu tư (CHDT)	1,894	0,001	6,646
Thu hút đầu tư (THDT)	1,372	0,007	0,254
Số quan sát (N)		325	
-2 Log likelihood		181,297 ^a	
Hệ số Negekerke R Square		0,742	
Mức độ dự báo của mô hình		85,5	

(Nguồn: Số liệu điều tra thực tế của tác giả, 2019)

Bảng 5: Ước lượng xác suất tham gia DLNN của hộ nông dân

STT	Các biến độc lập	β	Exp(β)	Xác suất tham gia DLNN được ước tính khi biến giải thích thay đổi một đơn vị và xác suất ban đầu (10%)		
				P1	Tỷ lệ tăng	Vị trí
1	Trình độ học vấn (HV)	0,254	1,289	0,13	0,03	6
2	Lao động (LD)	3,662	0,026	0,00	-0,10	4
3	Khoảng cách (KC)	-0,299	1,348	0,13	0,03	6
4	Vay vốn (VV)	3,428	30,808	0,77	0,67	1
5	Thu nhập hộ nông dân (TN)	1,588	4,894	0,35	0,25	3
6	Biết về DLNN (BVDL)	1,869	6,480	0,42	0,32	2
7	Cơ hội đầu tư (CHDT)	1,894	6,646	0,42	0,32	2
8	Thu hút đầu tư (THDT)	1,372	0,254	0,03	-0,07	5

(Nguồn: Số liệu điều tra thực tế của tác giả, 2019)

- Thu hút đầu tư (THĐT) có xác suất ban đầu là 10%. Khi các yếu tố khác không đổi, nếu hộ tin rằng DLNN sẽ thu hút đầu tư, mang lại lợi ích cho địa phương cũng như lợi ích của hộ thì xác suất hộ tham gia DLNN tăng lên 3%.

Ngoài ra, còn một câu hỏi là việc quyết định tham gia vào DLNN của hộ nông dân có ảnh hưởng đến thu nhập của hộ như thế nào, giữa hai nhóm hộ có tham gia DLNN và không tham gia DLNN. Kết quả từ phần mềm STATA 20 cho thấy có sự khác biệt, thể hiện cụ thể trong mục **Tác động của quyết định tham gia kinh doanh DLNN đến thu nhập của hộ nông dân tỉnh Lâm Đồng**.

Tác động của quyết định tham gia kinh doanh DLNN đến thu nhập của hộ nông dân tỉnh Lâm Đồng

Kết quả Bảng 6 cho thấy thuộc tính cân bằng của PSM được thỏa mãn, có nghĩa là các hộ gia đình có cùng điểm xu hướng sẽ có cùng mức phân bổ trên tất cả các biến. Vùng hỗ trợ chung là 252 quan sát (63 quan sát thuộc nhóm không tham gia kinh doanh DLNN, 189 quan sát thuộc nhóm tham gia kinh doanh DLNN), đồng thời 73 quan sát được loại bỏ.

Kết quả so sánh hạt nhân (Bảng 7) giữa 189 hộ tham gia và 63 hộ không tham gia kinh doanh DLNN cho thấy việc tham gia có tác động đáng kể đến thu nhập của hộ ($t=2.543$). Hộ nông dân tham gia kinh doanh DLNN sẽ có thu nhập cao hơn hộ không tham gia là 84,9 triệu đồng với mức ý nghĩa 5%.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Như vậy, từ kết quả hồi quy, có tám yếu tố tác động đến quyết định tham gia của hộ nông dân vào kinh doanh DLNN như trình độ học vấn, lao động, khoảng cách, khả năng tiếp cận vốn vay, thu nhập hộ nông dân, biết về DLNN, cơ hội đầu tư, thu hút đầu tư. Các yếu tố còn lại như tuổi, giới tính, quy mô diện tích không có ý nghĩa thống kê và hộ tham gia kinh doanh DLNN có thu nhập cao hơn hộ không tham gia kinh doanh DLNN. Nói cách khác, việc tham gia kinh doanh DLNN có tác động đáng kể đến thu nhập của hộ nông dân.

Hàm ý chính sách tập trung vào việc khuyến khích, hỗ trợ hộ nông dân kinh doanh kinh doanh DLNN một cách có quy hoạch trên cơ sở các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia kinh doanh DLNN của hộ nông dân tỉnh Lâm Đồng, một số hàm ý như sau:

1. Tạo điều kiện cho hộ nông dân vay vốn nhằm đa dạng hóa trang trại. Trước tình hình thực tế hộ nông dân đang gặp khó khăn trong việc vay vốn

để tham gia kinh doanh DLNN, trong khi bối cảnh thị trường đầu vào và đầu ra ngành nông nghiệp không ổn định ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nông dân. Đây chính là một trong những nguyên nhân cản trở hộ nông dân tham gia kinh doanh DLNN, làm mất đi cơ hội nâng cao thu nhập của hộ.

2. Tác động đến nhận thức, thái độ của hộ nông dân về DLNN và cơ hội đầu tư, kết hợp giữa du lịch và nông nghiệp thông qua các lớp tập huấn, thông tin trên các trang web, báo, đài... để hộ nông dân nhận biết lợi ích khi tham gia kinh doanh DLNN
3. Tạo điều kiện để hộ nông dân có thu nhập tốt hơn, đặc biệt những hộ tham gia DLNN. Ngoài việc tạo điều kiện cho những hộ nông dân có đủ điều kiện vay vốn để kinh doanh DLNN thì việc có một bức tranh quy hoạch tổng thể sẽ giúp hộ nông dân mạnh dạn quyết định tham gia kinh doanh DLNN, nâng cao thu nhập, những hộ đủ điều kiện cần được hỗ trợ về mặt thủ tục để được cấp giấy chứng nhận điểm du lịch nông nghiệp. Nói chung, hỗ trợ từ phía cơ quan nhà nước sẽ góp phần cải thiện thu nhập của hộ nông dân khi tham gia kinh doanh DLNN
4. Có chính sách khuyến khích để hộ nông dân nâng cao trình độ học vấn, cả kiến thức nông nghiệp lẫn kiến thức du lịch, du lịch nông nghiệp.
5. Cần phát triển, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đặc biệt là đường xá nhằm rút ngắn khoảng cách giữa điểm DLNN đến trục đường chính, khi du khách có nhu cầu muốn trải nghiệm DLNN sẽ dễ dàng tiếp cận hơn.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- DLNN: Du lịch nông nghiệp
TGH: Tham gia của hộ nông dân vào kinh doanh DLNN
TU: Tuổi
GT: Giới tính
HV: Trình độ học vấn
DT: Quy mô diện tích
LĐ: Lao động
KC: Khoảng cách
BVĐL: Biết về DLNN
CHĐT: Cơ hội đầu tư
THĐT: Thu hút đầu tư
VV: Hỗ trợ vay vốn
TN: Thu nhập hộ nông dân

Bảng 6: Kiểm định thuộc tính cân bằng và vùng hỗ trợ chung

	Nhóm không tham gia kinh doanh DLNN	Nhóm tham gia kinh doanh DLNN	Tổng
Ngoài vùng hỗ trợ chung	73	0	73
Trong vùng hỗ trợ chung	63	189	252
Tổng	136	189	325
Thuộc tính cân bằng		Thỏa mãn	

(Nguồn: Số liệu điều tra thực tế của tác giả, 2019)

Bảng 7: Tác động của việc quyết định tham gia DLNN đến thu nhập của hộ nông dân

Hình thức so sánh	Nhóm tham gia DLNN (hộ)	Nhóm không tham gia DLNN (hộ)	Tác động của việc tham gia kinh doanh DLNN đến thu nhập của hộ	Giá trị t
So sánh hạt nhân	189	63	84,9	2,543**

Ghi chú: ** là mức ý nghĩa 5%

(Nguồn: Số liệu điều tra thực tế của tác giả, 2019)

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Tác giả xin cam đoan rằng không có bất kì xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo.

ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TÁC GIẢ

Toàn bộ nội dung bài viết chỉ do tác giả thực hiện

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng. Niên giám thống kê tỉnh Lâm Đồng năm 2019, Nxb Thống kê.
- Phạm S. Du lịch canh nông tạo đột phá tăng trưởng ngành du lịch Lâm Đồng trong xu thế hội nhập quốc tế. Tạp chí Cộng sản. 2018; 910: 79-83.
- Fernandez-Cornejo J. The Microeconomic Impact of IPM Adoption: Theory and Application. Agricultural and Resource Economics Review. 1996; 25(02):149-160; Available from: <https://doi.org/10.1017/S1068280500007814>.
- Bagi FS, Reeder RJ. Factors Affecting Farmer Participation in Agritourism. Agricultural and Resource Economics Review. 2012;41(02):189-199; Available from: <https://doi.org/10.1017/S1068280500003348>.
- Anthony Y, John O, Jarvetta B, & Ralph O. Factors influencing agritourism adoption by small farmers in North Carolina. Journal of Agricultural Extension and Rural Development. 2017; 9(5): 84-96; Available from: <https://doi.org/10.5897/JAERD2016.0845>.
- Joo H, Khanal AR, Mishra AK. Farmers' Participation in Agritourism: Does It Affect the Bottom Line? Agricultural and Resource Economics Review. 2013;42(3): 471-490; Available from: <https://doi.org/10.1017/S1068280500004949>.
- Flanigan S, Blackstock K, Hunter C. Generating public and private benefits through understanding what drives different types of agritourism. Journal of Rural Studies. 2015; 41:129-141; Available from: <https://doi.org/10.1016/j.jrurstud.2015.08.002>.
- Hiệp PM et al. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia vào hoạt động du lịch nông nghiệp của nông hộ ở huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Hội thảo "Phát triển du lịch gắn với nông nghiệp bền vững: Thực trạng và giải pháp". Tạp chí Cộng sản phối hợp Tỉnh ủy Lâm Đồng tổ chức. 08/2018; 129-140.
- Schilling BJ et al. Does Agritourism Enhance Farm Profitability? Journal of Agricultural and Resource Economics. 2014; 39 (1): 69-87.
- Tabachnick BG, Fidell LS. Using multivariate statistics (3rd ed). New York: Harper Collins. 2007.
- McFadden D. Conditional logit analysis of qualitative choice behavior. Frontiers in Econometrics, Zarembka P (ed.). Academic Press, New York. 1974.
- Mishra A, Goodwin BK. Adoption of Crop versus Revenue Insurance: A Farm-Level Analysis, Agricultural Finance Review. 2003; 63(2):143-155; Available from: <https://doi.org/10.1108/00215050380001146>.
- Maddala GS. Limited-Dependent and Qualitative Variables in Econometrics. Econometric Society Monographs. Cambridge University Press, Cambridge. 1983; 3; Available from: <https://doi.org/10.1017/CBO9780511810176>.
- Khandker SR, Koolwal GB, Samad HA. Handbook on impact evaluation Quantitative methods and practices. The World Bank. 2010; Available from: <https://doi.org/10.1596/978-0-8213-8028-4>.
- Rosenbaum P, Rubin D. The central role of the propensity score in observational studies for causal effects. Biometrika. 1983; 70:41-55; Available from: <https://doi.org/10.1093/biomet/70.1.41>.
- Loureiro ML, Jervell AM. Farmers' Participation Decisions regarding Agro-Tourism Activities in Norway. Tourism Economics. 2005;11(3):453-469; Available from: <https://doi.org/10.5367/000000005774353015>.
- Toàn DT, Trinh BV, Nghi NQ. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia vào hoạt động du lịch vườn sinh thái của hộ gia đình tại huyện Phong Điền. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 2016; 46:12-19; Available from: <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2016.565>.
- Lago NAA. Tourism Demand and Agriculture Supply: Basis for Agritourism Development in Quezon Province. Asia Pacific Journal of Multidisciplinary Research. 2017; 5(3):1-9.
- McNally S. Farm diversification in England and Wales - what can we learn from the Farm Business Survey? Journal of Rural Studies. 2001;17:247-257; Available from: [https://doi.org/10.1016/S0743-0167\(00\)00050-4](https://doi.org/10.1016/S0743-0167(00)00050-4).
- Kunasekaran P, Ramachandran S, Samdin Z, Awang KW. Factors Affecting Farmers' Agro Tourism Involvement in Cameron Highlands, Pahang. OIDA International Journal of Sustainable Development. 2012; 4(1):83-90.

Analysis of impact of participate in agritourism on farmers household's income in Lam Dong province

Nguyen Thai Dung*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

The study uses the descriptive statistical method, the logistic regression method and the Propensity Score Matching (PSM) method to analyze the impact of participation in agritourism on farmer household's income in Lam Dong province. The study garners survey data from 325 respondents (including 189 participants and 136 non-participants agritourism). The research results of the Logistic model show characteristic groups of household heads (factors of education); groups of farm characteristics factor (labor, distance, loan, farmer household income), and groups of awareness and attitudes (awareness of agritourism, awareness of investment opportunities, awareness of income investment attraction) have an impact on the farmers' decisions to participate in agritourism in Lam Dong province. The study also shows that the correct prediction rate of the whole model is 85.5%. In addition, the results of the PSM methodology show the impact of the decision to conduct business agritourism business on the household income and there is a significant difference in income between the two groups of households participating and not participating in agritourism. This is the foundation for the study to propose a number of policy implications to promote and encourage farmer households to participate in the agritourism business, helping farmers improve income and contributing to the development of agritourism in Lam Dong province.

Key words: households, agritourism, participation in Agritourism, PSM

Binh Duong University, Vietnam

Correspondence

Nguyen Thai Dung, Binh Duong University, Vietnam

Email: thaidungnguyen610@gmail.com

History

- Received: 11-11-2020
- Accepted: 28-4-2021
- Published: 16-5-2021

DOI : 10.32508/stdjelm.v5i2.720



Copyright

© VNU-HCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Dung N T. Analysis of impact of participate in agritourism on farmers household's income in Lam Dong province. *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.*; 5(2):1524-1534.